

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 1 (501 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 15.06.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00001	Lê Quý Khang	An	Nam	19.04.2002	Hà Nội		
2	B00002	Lê Thị Mai	Anh	Nữ	11.11.2001	Quảng Ninh		
3	B00003	Võ Thị Vân	Anh	Nữ	26.01.2001	Nghệ An		
4	B00004	Trần Thị	Anh	Nữ	28.08.1997	Vĩnh Phúc		
5	B00005	Cao Phương	Anh	Nữ	09.08.2002	Hà Nội		
6	B00006	Phạm Nhật	Anh	Nam	05.01.2002	Hà Nội		
7	B00007	Đỗ Văn	Anh	Nữ	28.11.2002	Bắc Giang		
8	B00008	Nguyễn Bá Hải	Anh	Nam	05.08.2003	Lào Cai		
9	B00009	Vũ Phương	Anh	Nữ	06.11.2002	Hà Nội		
10	B00010	Mai Ngọc	Anh	Nữ	26.10.2003	Thanh Hóa		
11	B00011	Lê Thị Phương	Anh	Nữ	20.01.2003	Thanh Hoá		
12	B00012	Vũ Phương	Anh	Nữ	18.05.2003	Quảng Ninh		
13	B00013	Đỗ Lan	Anh	Nữ	01.01.2002	Hà Nội		
14	B00014	Trần Hải	Anh	Nữ	12.09.2003	Hà Nội		
15	B00015	Lại Thị Vân	Anh	Nữ	28.03.2003	Thái Bình		
16	B00016	Xuân Thị Thu	Anh	Nữ	05.07.2002	Hà Nội		
17	B00017	Nguyễn Hữu Hải	Anh	Nam	03.09.2002	Hà Nội		
18	B00018	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	13.09.2003	Thanh Hoá		
19	B00019	Phạm Phương	Anh	Nữ	12.09.2003	Lai Châu		
20	B00020	Lê Thục	Anh	Nữ	13.11.2001	Hà Nội		
21	B00021	Lê Thị	Bích	Nữ	21.03.1994	Hà Tây		
22	B00022	Nguyễn Đình	Bìn	Nam	01.03.2003	Nghệ An		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 2 (502 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 15.06.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00023	Đinh Thị	Bình	Nữ	05.10.2001	Phú Thọ		
2	B00024	Chử Đỗ Bảo	Châu	Nữ	16.07.2002	Hà Nội		
3	B00025	Bùi Thị Quỳnh	Chi	Nữ	09.09.2002	Ninh Bình		
4	B00026	Tráng A	Chữ	Nam	15.09.2003	Lào Cai		
5	B00027	Vương Thời	Công	Nam	01.09.2002	Hà Giang		
6	B00028	Lò Thị	Cúc	Nữ	08.03.2003	Lai Châu		
7	B00029	Nguyễn Văn	Cường	Nam	11.02.2003	Thanh Hóa		
8	B00030	Phạm Tô Ngọc	Cường	Nam	07.11.2003	Ninh Bình		
9	B00031	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	20.08.2003	Hà Nội		
10	B00032	Nguyễn Minh	Đức	Nữ	28.12.2002	Hà Nội		
11	B00033	Vũ Thị Kim	Dung	Nữ	03.02.2003	Gia Lai		
12	B00034	Trương Anh	Dũng	Nam	12.02.1997			
13	B00035	Đặng Vũ	Dương	Nam	29.10.1998	Hà Nội		
14	B00036	Nguyễn Thị	Dương	Nữ	07.09.2001	Bắc Giang		
15	B00037	Bùi Thị Thuỳ	Dương	Nữ	20.03.2003	Hoà Bình		
16	B00038	Trần Huy	Duy	Nam	11.11.1992	Hải Dương		
17	B00039	Đào Bùi	Duy	Nam	15.04.1994	Bắc Ninh		
18	B00040	Đỗ Thị	Duyên	Nữ	23.09.2006	Hà Nội		
19	B00041	Vũ Thị Linh	Giang	Nữ	03.06.2003	Phú Thọ		
20	B00042	Vi Trường	Giang	Nam	12.11.2002	Bắc Giang		
21	B00043	Tòng Văn	Giáp	Nam	06.02.2002	Điện Biên		
22	B00044	Hoàng Thị Thu	Hà	Nữ	23.01.1984			

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 3 (503 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 15.06.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00045	Lê Thanh	Hà	Nam	17.03.2004	Bắc Ninh		
2	B00046	Ngô Thị Ngọc	Hà	Nữ	24.01.1996	Bắc Giang		
3	B00047	Vũ Thị	Hà	Nữ	10.11.2003	Nam Định		
4	B00048	Chu Thị Thu	Hằng	Nữ	04.12.2002	Hà Nội		
5	B00049	Lê Thanh	Hằng	Nữ	20.09.2003	Lào Cai		
6	B00050	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Nữ	04.09.2003	Thái Nguyên		
7	B00051	Nông Thị	Hạnh	Nữ	11.02.1998	Lào Cai		
8	B00052	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	18.03.2000	Thái Bình		
9	B00053	An Việt	Hạnh	Nam	12.07.2002	Ninh Bình		
10	B00054	Hoàng Thị Thuý	Hiền	Nữ	24.12.2003	Lạng Sơn		
11	B00055	Phạm Thu	Hiền	Nữ	05.12.2003	Hà Nội		
12	B00056	Vì Thị Bích	Hiền	Nữ	14.06.2003	Bắc Giang		
13	B00057	Nguyễn Thành	Hiếu	Nam	01.12.2002	Hà Nội		
14	B00058	Bùi Trung	Hiếu	Nam	11.04.2002	Thanh Hóa		
15	B00059	Nguyễn Chính	Hiệu	Nam	29.01.2003	Quảng Trị		
16	B00060	Phạm Thị Ngọc	Hoa	Nữ	11.09.2002	Nghệ An		
17	B00061	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	03.01.1999	Hà Nội		
18	B00062	Quảng Mai	Hoa	Nữ	20.03.2002	Lai Châu		
19	B00063	Nguyễn Thị	Hoa	Nam	27.02.2003	Hưng Yên		
20	B00064	Lò Thị	Hoài	Nữ	12.08.2002	Lai Châu		
21	B00065	Ngô Văn	Hoài	Nam	11.12.2002	Thái Bình		
22	B00066	Nguyễn Thu	Hoài	Nữ	29.07.2003	Nam Định		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 4 (504 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 15.06.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00067	Lư Thị Thu	Hoài	Nữ	03.06.2003	Hải Dương		
2	B00068	Nguyễn Thanh	Huệ	Nữ	09.01.2003	Hà Tây		
3	B00069	Nguyễn Phi	Hùng	Nam	19.10.2003	Hà Nội		
4	B00070	Hoàng Thị	Hương	Nữ	27.11.1990	Nam Định		
5	B00071	Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	22.12.2003	Hà Nội		
6	B00072	Vũ Lan	Hương	Nữ	07.09.2003	Quảng Ninh		
7	B00073	Nguyễn Quang	Huy	Nam	29.09.1999	Phú Thọ		
8	B00074	Phạm Thị	Huyền	Nữ	04.01.2001	Hải Dương		
9	B00075	Tạ Thị Thanh	Huyền	Nữ	19.01.1977	Hà Nam		
10	B00076	Đỗ Thu	Huyền	Nữ	19.06.1994	Hà Nội		
11	B00077	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	15.06.2002	Hà Nội		
12	B00078	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	05.03.1990	Hà Tĩnh		
13	B00079	Nguyễn Khánh	Huyền	Nữ	20.08.2003	Tuyên Quang		
14	B00080	Tạ Thị Ngọc	Huyền	Nữ	05.02.2003	Phú Thọ		
15	B00081	Tạ Duy	Huỳnh	Nam	16.08.2003	Hà Nội		
16	B00082	Trần Vương	Khánh	Nam	24.05.2003	Nghệ An		
17	B00083	Nguyễn Hữu	Khiết	Nam	30.05.2002	Bình Phước		
18	B00084	Nguyễn Đức Thanh	Lâm	Nữ	13.11.2002	Bắc Ninh		
19	B00085	Hoàng Đức	Lập	Nam	24.11.1990	Hà Nội		
20	B00086	Đinh Thị Thúy	Liều	Nữ	26.10.1987	Ninh Bình		
21	B00087	Nguyễn Thị Ngọc	Liều	Nữ	05.06.2003	Thái Nguyên		
22	B00088	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	04.02.2001	Hà Nam		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 5 (505 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 15.06.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00089	Trần Hoàng	Linh	Nữ	18.01.1997	Yên Bái		
2	B00090	Trịnh Phương	Linh	Nữ	18.12.2003	Hà Nội		
3	B00091	Đỗ Thuý	Linh	Nữ	30.04.2001	Thái Nguyên		
4	B00092	Lê Thị	Linh	Nữ	12.02.1995	Hải Dương		
5	B00093	Đặng Thị Ngọc	Linh	Nữ	13.10.1996	Vĩnh Phúc		
6	B00094	Lê Bá Khánh	Linh	Nữ	14.08.2003	Hà Nam		
7	B00095	Đỗ Hoài	Linh	Nữ	27.08.2003	Hà Nội		
8	B00096	Phan Diệu	Linh	Nữ	13.09.2003	Vĩnh Phúc		
9	B00097	Thịnh Diệu	Linh	Nữ	18.04.2002	Thanh Hóa		
10	B00098	Lê Huyền	Linh	Nữ	21.12.2003	Hà Nội		
11	B00099	Dương Thị Cẩm	Linh	Nữ	20.06.2003	Hà Tĩnh		
12	B00100	Trần Thị	Linh	Nữ	19.06.2003	Nam Định		
13	B00101	Đỗ Thị Hải	Linh	Nữ	04.07.2003	Hà Nội		
14	B00102	Thái Thị Ngọc	Linh	Nữ	20.03.2002	Kon Tum		
15	B00103	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	02.12.2003	Hải Dương		
16	B00104	Ngô Đăng Thảo	Loan	Nữ	06.08.2003	Nam Định		
17	B00105	Phạm Thị	Lụa	Nữ	04.07.2001	Hà Nội		
18	B00106	Đỗ Diệu	Ly	Nữ	05.11.2003	Sơn La		
19	B00107	Đặng Thị Diệu	Ly	Nữ	21.01.2003	Hà Nội		
20	B00108	Hoàng Thị Hương	Mai	Nữ	02.07.2001	Hà Tây		
21	B00109	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	30.12.1978	Hà Nội		
22	B00110	Trần Ngọc Phương	Mai	Nữ	16.08.2003	Thanh Hóa		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 6 (506 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 15.06.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00111	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	06.10.1997	Bắc Ninh		
2	B00112	Trần Duy	Minh	Nam	15.09.2003	Nghệ An		
3	B00113	Hoàng Thị	Nam	Nữ	24.10.2003	Nghệ An		
4	B00114	Ngô Kim	Ngân	Nữ	18.09.2002	Nam Định		
5	B00115	Phùng Thị Hiếu	Nghĩa	Nữ	23.06.2003	Ninh Bình		
6	B00116	Phạm Thị	Ngọc	Nữ	19.09.1991	Hải Dương		
7	B00117	Hoàng Bích	Ngọc	Nữ	14.04.2000	Hòa Bình		
8	B00118	Nguyễn Bích	Ngọc	Nữ	01.10.2002	Hà Tây		
9	B00119	Nguyễn Vũ Vân	Ngọc	Nữ	18.11.2002	Hà Nội		
10	B00120	Nguyễn Mai	Ngọc	Nữ	29.12.2000	Hà Nội		
11	B00121	Phạm Sỹ	Nguyên	Nam	13.05.2003	Hà Tĩnh		
12	B00122	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	30.01.2003	Bắc Ninh		
13	B00123	Nguyễn Minh	Nguyệt	Nữ	31.05.2003	Sơn La		
14	B00124	Trần Thị Uyên	Nhi	Nữ	12.06.2003	Thanh Hóa		
15	B00125	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	22.01.1986	Thái Bình		
16	B00126	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	17.03.2003	Thanh Hóa		
17	B00127	Sùng Thị	Nhung	Nữ	15.04.2003	Điện Biên		
18	B00128	Nguyễn Huyền	Nhung	Nữ	25.11.2003	Nghệ An		
19	B00129	Đặng Quốc	Phong	Nam	31.07.2000	TP.Hồ Chí Minh		
20	B00130	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	30.07.1997	Nam Định		
21	B00131	Đào Mai	Phương	Nữ	03.07.2002	Hải Phòng		
22	B00132	Đặng Thị Đức	Phương	Nữ	03.11.1990	CHLB Đức		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 7 (507 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 15.06.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00133	Nguyễn Thị Ngọc	Phuong	Nữ	27.09.2004	Bắc Ninh		
2	B00134	Trần Lê Lan	Phuong	Nữ	07.01.2003	Quảng Ninh		
3	B00135	Nguyễn Anh	Quân	Nam	17.02.2003	Thanh Hóa		
4	B00136	Vũ Minh	Quang	Nam	11.05.1998	Hà Nội		
5	B00137	Nguyễn Đức	Quý	Nam	10.10.2004	Ninh Bình		
6	B00138	Nguyễn Lê Thục	Quyên	Nữ	30.11.2003	Hà Tĩnh		
7	B00139	Quách Hồng	Quyên	Nữ	12.08.2003	Yên Bái		
8	B00140	Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	23.01.1997	Hà Nội		
9	B00141	Nguyễn Hồng	Son	Nam	03.10.2001	Thái Bình		
10	B00142	Nguyễn Thái	Son	Nam	12.04.1999	Hà Nội		
11	B00143	Ngô Văn	Tài	nam	18.05.2004	Hà Nội		
12	B00144	Lê Thị	Tâm	Nữ	27.06.1990	Hà Nội		
13	B00145	Trần Ngọc Mỹ	Tâm	Nữ	07.12.2003	Nam Định		
14	B00146	Phan Văn	Thái	Nam	26.06.1998	Ninh Bình		
15	B00147	Phạm Anh	Thắng	Nam	03.01.2002	Nghệ An		
16	B00148	Tạ Thị Kim	Thanh	Nữ	01.11.2003	Phú Thọ		
17	B00149	Phạm Thị Ngọc	Thành	Nữ	22.03.2002	Hà Tĩnh		
18	B00150	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	26.03.2002	Bắc Ninh		
19	B00151	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	06.08.1981	Hải Phòng		
20	B00152	Mai Phương	Thảo	Nữ	20.12.2006	Hà Giang		
21	B00153	Đào Thị Phương	Thảo	Nữ	05.08.2003	Quảng Ninh		
22	B00154	Vũ Phương	Thảo	Nữ	23.07.2003	Hà Nội		
23	B00155	Đào Thị Phương	Thảo	Nữ	01.09.2003	Hà Nam		
24	B00156	Nguyễn Thị Hương	Thảo	Nữ	10.11.2003	Hưng Yên		
25	B00207	Đỗ Thu	An	Nữ	09.10.2003	Thái Bình		
26	B00208	Ngô Thị	An	Nữ	31.07.2002	Nghệ An		
27	B00209	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	22.04.1998	Hà Nội		
28	B00210	Bùi Sỹ	Bút	Nam	23.05.2005	Thanh Hoá		
29	B00211	Trần Thị Kim	Chi	Nữ	19.04.2003	Hải Phòng		
30	B00212	Phạm Anh	Chúc	Nữ	10.08.2002	Phú Thọ		

Số thí sinh theo danh sách: 30

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 8 (606 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 15.06.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00157	Trần Bích	Thảo	Nữ	28.12.2004	Hà Nam		
2	B00158	Lý Thị Thu	Thảo	Nữ	23.05.2003	Lạng Sơn		
3	B00159	Phạm Minh	Thiện	Nam	10.10.2000	Hải Phòng		
4	B00160	Lê Thị	Thom	Nữ	07.02.2003	Thanh Hoá		
5	B00161	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	20.09.1992			
6	B00162	Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	23.10.2003	Hà Nội		
7	B00163	Ngô Vũ Minh	Thư	Nữ	25.07.2002	Quảng Nam		
8	B00164	Phạm Văn	Thuận	Nam	30.11.1983	Thái Nguyên		
9	B00165	Phạm Khắc	Thức	Nam	30.01.2001	Bắc Ninh		
10	B00166	Nguyễn Thu	Thủy	Nữ	21.09.2003	Vĩnh Phúc		
11	B00167	Nguyễn Thị	Thuyết	Nữ	14.12.2003	Bắc Ninh		
12	B00168	Nguyễn Khánh	Tiến	Nam	21.11.2003	Nghệ An		
13	B00169	Lại Thị Thu	Trà	Nữ	03.08.2003	Nam Định		
14	B00170	Nguyễn Hà	Trang	Nữ	27.11.2001	Hải Dương		
15	B00171	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	14.11.2002	Hà Nội		
16	B00172	Trần Thị	Trang	Nữ	23.06.1991	Vĩnh Phú		
17	B00173	Ngô Thị	Trang	Nữ	24.11.2003	Thanh Hóa		
18	B00174	Ma Huyền	Trang	Nữ	04.07.2003	Thái Nguyên		
19	B00175	Lưu Thị Thu	Trang	Nữ	17.11.2003	Hà Nội		
20	B00176	Hoàng Minh	Trang	Nữ	23.12.2003	Hà Nội		
21	B00177	Vũ Minh	Trang	Nữ	13.12.2003	Sơn La		
22	B00178	Đặng Thị	Trang	Nữ	24.02.2002	Quảng Ninh		
23	B00179	Lương Thị Kiều	Trang	Nữ	18.09.2002	Nam Định		
24	B00180	Phạm Lê Thuỳ	Trang	Nữ	17.12.2003	Hà Nội		
25	B00181	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	08.02.2003	Bắc Giang		
26	B00182	Trần Thị Tuyết	Trinh	Nữ	23.02.1995			
27	B00213	Trần Thị Trà	Giang	Nữ	26.02.2002	Hà Tĩnh		
28	B00214	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	Nữ	18.11.2003	Hà Nội		
29	B00215	Trần Quang	Hà	Nam	26.06.1981	Nghệ An		
30	B00216	Đoàn Đức	Hà	Nam	19.12.2001	Ninh Bình		

Số thí sinh theo danh sách: 30

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 09 (608 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 15.06.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00183	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	12.12.2003	Bắc Ninh		
2	B00184	Phan Duy	Trưởng	Nam	10.02.2003	Hà Tĩnh		
3	B00185	Nguyễn Thị Anh	Tú	Nữ	01.10.1985	Nghệ An		
4	B00186	Lâm Tiến	Tùng	Nam	06.06.1987	Thanh Hóa		
5	B00187	Đỗ Thanh	Tùng	Nam	16.11.2003	Thanh Hoá		
6	B00188	Dương Xuân	Tùng	Nam	10.12.2000	Hà Nội		
7	B00189	Trần Thị	Tuyền	Nữ	13.04.2003	Quảng Trị		
8	B00190	Hoàng Bảo	Uyên	Nữ	08.06.2003	Hoà Bình		
9	B00191	Mai Lê Thu	Uyên	Nữ	22.06.2003			
10	B00192	Lê Thị	Vân	Nữ	15.09.2003	Hà Tĩnh		
11	B00193	Phạm Thị	Vân	Nữ	29.07.2003	Thanh Hóa		
12	B00194	Hoàng Hữu	Văn	Nữ	28.08.1998	Lạng Sơn		
13	B00195	Hà Đức	Việt	Nam	27.01.1997	Tuyên Quang		
14	B00196	Mai Đức	Vũ	Nam	01.10.1999	Thanh Hóa		
15	B00197	Nguyễn Xuân	Vũ	Nam	03.03.2003	Hà Nội		
16	B00198	Đoàn Thị	Vui	Nữ	07.09.1993	Nam Định		
17	B00199	Lục Thị	Vững	Nữ	08.05.2001	Quảng Ninh		
18	B00200	Hoàng Thị	Vườn	Nữ	08.10.1991	Cao Bằng		
19	B00201	Cần Thị	Xuân	Nữ	25.02.2002	Hà Tây		
20	B00202	Nguyễn Xuân	Yên	Nữ	03.12.2002	Bắc Giang		
21	B00203	Đoàn Thị Ngọc	Yến	Nữ	04.08.2001	Hà Nội		
22	B00204	Hồ Phương	Yến	Nữ	25.09.2003	Tuyên Quang		
23	B00205	Phạm Hoàng	Yến	Nữ	09.04.2003	Hà Nội		
24	B00206	Trần Thị Hải	Yến	Nữ	02.05.2003	Hà Nam		
25	B00217	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	23.05.1991	Hà Nội		
26	B00218	Lê Thị	Hằng	Nữ	13.09.2003	Thanh Hoá		
27	B00219	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	08.10.2001	Thanh Hóa		
28	B00220	Tô Thị Thu	Hoài	Nữ	11.08.2000	Vĩnh Phúc		
29	B00221	Hoàng Ngọc Thu	Hồng	Nữ	17.07.2004	Vĩnh Phúc		
30	B00222	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	05.08.2002	Thanh Hoá		
31	B00223	Đỗ Quang	Huy	Nam	08.03.2003	Thái Bình		
32	B00224	Lưu Đình Đức	Huy	Nam	16.02.2003	Đắk Lắk		

Số thí sinh theo danh sách: 32

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 10 (607 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 07h30 ngày 15.06.2025

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00225	Hoàng Thị	Huyền	Nữ	25.12.2002	Hải Phòng		
2	B00226	Hà Thu	Huyền	Nữ	25.08.2003	Hà Nam		
3	B00227	Lê Thị	Huyền	Nữ	09.06.2003	Thanh Hoá		
4	B00228	Lê Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	26.11.2002	Sơn La		
5	B00229	Nguyễn Hữu	Lực	Nam	06.08.2001	Nghệ An		
6	B00230	Hồ Trà	My	Nữ	07.11.2003	Nghệ An		
7	B00231	Nguyễn Phú	Mỹ	Nam	30.01.1995	Thái Bình		
8	B00232	Đinh Bá	Nam	Nam	28.01.2003	Bắc Ninh		
9	B00233	Tạ Thị	Ngân	Nữ	07.03.2001	Hưng Yên		
10	B00234	Lê Bích	Ngọc	Nữ	31.01.1999	Hà Nội		
11	B00235	Đoàn Đức	Nhân	Nam	24.11.2000	Bình Thuận		
12	B00236	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	10.01.2003	Nghệ An		
13	B00237	Lê Thị	Nhi	Nữ	27.07.2003	Thanh Hóa		
14	B00238	Lê Thị Phương	Nhung	Nữ	24.04.2002	Quảng Ninh		
15	B00239	Hứa Thanh	Phuong	Nữ	31.12.2003	Bắc Ninh		
16	B00240	Lê Xuân	Quang	Nam	16.08.2002	Quảng Ninh		
17	B00241	Nguyễn Ngọc	Son	Nam	01.01.1999	Hà Nội		
18	B00242	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	06.08.2003	Hà Nội		
19	B00243	Vũ Thị Hương	Thảo	Nữ	20.07.2001	Hà Nội		
20	B00244	Ngô Thị	Thịnh	Nữ	09.04.2003	Nghệ An		
21	B00245	Ngô Lưu Trân	Trân	Nữ	02.01.2003	Thái Bình		
22	B00246	Trần Thuý	Trang	Nữ	27.09.2003	Thái Bình		
23	B00247	Đinh Quỳnh	Trang	Nữ	01.11.2003	Phú Thọ		
24	B00248	Nguyễn Ngọc	Tú	Nam	29.09.2003	Hà Nội		
25	B00249	Phạm Sơn	Tùng	Nam	15.01.1999	Thái Bình		
26	B00250	Dương Thanh	Tuyết	Nữ	22.10.2003	Lào Cai		
27	B00251	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	21.09.2003	Hải Phòng		
28	B00252	Hoàng Thị Thu	Thảo	Nữ	26.09.2003	Lào Cai		
29	B00253	Phạm Huyền	Anh	Nữ	22.06.2003	Quảng Ninh		

Số thí sinh theo danh sách: 29

Hà Nội, ngày tháng năm

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1

(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2

(ký và ghi rõ họ tên)